

NỘI DUNG CÔNG KHAI
ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ - MÃ NGÀNH: 8340401

1. Chuẩn đầu vào:

a) Yêu cầu về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế.

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế không có định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 2 học phần (5 tín chỉ).

- Có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với ngành khác và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 4 học phần (9 tín chỉ).

b) Yêu cầu thâm niên công tác: Không

c) Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ

Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

2. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

2.1. Danh mục các ngành đúng, ngành gần, ngành khác

a) Ngành đúng: ngành đào tạo trình độ đại học trùng tên với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế hoặc ngành Kinh tế định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế.

b) Ngành gần: các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý nhưng khác với ngành đúng.

c) Ngành khác: các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

Ngành đúng	Ngành gần	Ngành khác
Ngành Kinh tế định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế	Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Luật kinh tế, Quản lý chuỗi cung ứng, Kinh tế xây dựng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Bất động sản, Quản lý đất đai, Quản lý công nghiệp, Quản lý năng lượng, Quản lý đô thị và công trình, Quản lý xây dựng, Quản lý thủy sản, Quản lý tài nguyên rừng, Tổ chức quản lý dự án, Quản lý ý tế, Quản lý bệnh viện, Tổ chức và quản lý vận tải, Quản lý thể dục thể thao, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Thông tin học, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản, Luật, Luật quốc tế, Quản lý giáo dục, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.	Công tác xã hội, Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Khoa học môi trường, Khoa học đất, Thống kê, Toán ứng dụng, Công nghệ thông tin, Nông nghiệp, Điện, Công nghệ kỹ thuật điện, Điện khí hoá mỏ, Quy hoạch vùng và đô thị, Quy hoạch đô thị, Xây dựng, Xây dựng cầu đường, Kiến trúc công trình, Kiến trúc hạ tầng đô thị, công trình, Xây dựng công trình, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Công nghiệp chế tạo máy, Cơ khí chế tạo máy, Điện-điện tử, Điện tử-viễn thông, Thiết kế máy, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Ngôn ngữ Anh.

2.2. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

Ngành đúng: ngành Quản lý kinh tế

Ngành gần: các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, nhưng không đúng

ngành Quản lý kinh tế. Môn học bổ sung kiến thức gồm 2 môn, 5 tín chỉ:

TT	Môn học	Số tín chỉ
1	Khoa học quản lý	3
2	Quản lý nhà nước về kinh tế	2

Ngành khác: các ngành khác kinh doanh và quản lý. Môn học bổ sung kiến thức gồm 4 môn, 9 tín chỉ, cụ thể:

TT	Môn học	Số tín chỉ
1	Khoa học quản lý	2
2	Quản lý nhà nước về kinh tế	2
3	Kinh tế học	3
4	Kinh tế phát triển	2

3. Chương trình đào tạo:

Nhà trường có chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng đã được xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
I. Kiến thức chung (8 tín chỉ)						
1	MEM01	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	4	0	
2	MEM02	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	3	2	1	
Tổng			7	6	1	
II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành:						
Học phần bắt buộc (27 tín chỉ)						
3	MEM03	Lãnh đạo công và quản lý	3	2	1	

4	MEM04	Kinh tế học quản lý	3	2	1	
5	MEM05	Kinh tế đầu tư nâng cao	3	2	1	
6	MEM06	Pháp luật quản lý kinh tế	3	2	1	
7	MEM07	Kinh tế khu vực công	3	2	1	
8	MEM08	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	3	2	1	
9	MEM09	Quản lý chương trình và dự án công	3	2	1	
10	MEM10	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế	3	2	1	
11	MEM11	Quản lý phát triển kinh tế vùng và địa phương	3	2	1	
Tổng			27	18	9	
<i>Học phần tự chọn: (17 tín chỉ)</i>						
12	MEM12	Kinh tế phát triển nâng cao	3	2	1	
13	MEM13	Chuyển đổi số trong khu vực công	2	1	1	
14	MEM14	Mô hình ra quyết định quản lý	2	1	1	
15	MEM15	Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý	2	1	1	
16	MEM16	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế	3	2	1	

17	MEM17	Thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực	3	2	1	
19	MEM18	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công	3	2	1	
20	MEM19	Đàm phán và quản lý xung đột trong khu vực công	3	2	1	
21	MEM20	Quản lý sự thay đổi	2	1	1	
22	MEM21	Nghiên cứu tình huống 1	3	1	2	
23	MEM22	Nghiên cứu tình huống 2	3	1	2	
III. Tốt nghiệp:						
24	MEM23	Đề án tốt nghiệp	9		9	
	Tổng		60	35	25	

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:**Học kỳ 1**

ST	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Triết học	4	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	3	
3	Lãnh đạo công và quản lý	3	
4	Pháp luật quản lý kinh tế	3	
5	Kinh tế học quản lý	3	
TỔNG		16	

Học kỳ 2

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Kinh tế đầu tư nâng cao	3	
2	Kinh tế khu vực công	3	
3	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	3	
4	Quản lý chương trình và dự án công	3	
5	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế	3	
6	Quản lý phát triển kinh tế vùng và địa phương	3	
TỔNG		18	

Học kỳ 3 – Tự chọn (chọn 1 trong 2 tổ hợp sau).

ST	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
Tổ hợp 1			
1	Chuyển đổi số trong khu vực công	3	
2	Mô hình ra quyết định quản lý	2	
3	Thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực	3	
4	Nghiên cứu tình huống 1	3	
5	Nghiên cứu tình huống 2	3	
6	Đàm phán và quản lý xung đột trong khu vực công	3	
TỔNG		17	
Tổ hợp 2			
1	Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý	2	
2	Kinh tế phát triển nâng cao	3	

3	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế	3	
4	Nghiên cứu tình huống 1	3	
5	Nghiên cứu tình huống 2	3	
6	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công	3	
TỔNG		17	

Học kỳ 4

TT	Mã số	Tên học phần	Số TC			Ghi chú
			Tổng	LT	TH	
1	MEM23	Đề án tốt nghiệp	9		9	
TỔNG			9		9	

4. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đảm bảo mở ngành

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

a) Đội ngũ giảng viên ngành phù hợp đảm bảo mở ngành và duy trì ngành

Hiện nay, Nhà trường có đủ giảng viên có trình độ từ Tiến sĩ trở lên, có ngành phù hợp để đảm bảo điều kiện mở ngành và duy trì ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ (05 tiến sĩ ngành phù hợp, trong đó có 01 PGS có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên).

Bảng 4.1. Danh sách giảng viên cơ hữu đảm bảo mở ngành trình độ thạc sĩ

Quản lý kinh tế

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
					Bộ	Cơ sở
1	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, 1966	PGS, 2012	Tiến sĩ, 2000	Kinh tế	Chủ nhiệm 4 đề tài cấp Bộ, tham gia 4 đề tài cấp Bộ	
2	Đoàn Ngọc Phúc, 1975		Tiến sĩ, 2015	Kinh tế	Tham gia 3 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 1 đề tài cấp

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
					Bộ	Cơ sở
						cơ sở
3	Ao Thu Hoài, 1975		Tiến sĩ, 2012	Kinh tế học	Tham gia 6 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 9 đề tài cấp cơ sở
4	Trần Văn Hưng, 1981		Tiến sĩ, 2019	Quản lý kinh tế		Chủ nhiệm 3 đề tài cấp cơ sở
5	Huỳnh Thế Nguyễn, 1978		Tiến sĩ, 2018	Kinh tế học	Chủ nhiệm 1 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 5 đề tài cấp cơ
6	Nguyễn Văn Ven, 1974		Tiến sĩ, 2016	Quản trị kinh doanh	Chủ nhiệm 1 đề tài cấp Bộ	

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường có khả năng đảm nhận các môn học trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, trong đó, Khoa Kinh tế - Luật là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc đào tạo. Tổng số giảng viên cơ hữu thuộc chuyên ngành kinh tế tham gia đào tạo chương trình là 27 người trong đó có 02 Phó giáo sư và 25 Tiến sĩ.

Bảng 4.2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Giảng viên cơ hữu												
1	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thu, 1966	079166013090 Quốc tịch: Việt Nam	PGS, 2012	Tiến sĩ, 2000	Kinh tế	x			ĐH 22 năm (1993-2022) SDH 22 năm (2000-2022)	Chủ nhiệm 4 đề tài cấp Bộ, tham gia 4 đề tài cấp Bộ		
2	Đoàn Ngọc Phúc, 1975	025147765 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2015	Kinh tế	x		0200112905	ĐH 20 năm (2002-2022) SDH 7 năm (2016-2022)	Tham gia 3 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 1 đề tài cấp cơ sở	
3	Ao Thu Hoài, 1975	00117501602 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2012	Kinh tế học	x		2299063069	ĐH 23 năm (1999-2022) SDH 7 năm	Tham gia 6 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 9 đề tài cấp cơ sở	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
									(2016-2022)			
4	Trần Văn Hưng, 1981	052080000256 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2019	Quản lý kinh tế	x			ĐH 10 năm (2012-2022) SĐH 3 năm (2019-2022)		Chủ nhiệm 3 đề tài cấp cơ sở	
5	Huỳnh Thế Nguyễn, 1978	083078016899 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2018	Kinh tế học	x		0202046042	ĐH 15 năm (2007-2022) SĐH 4 năm (2018-2022)	Chủ nhiệm 1 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 5 đề tài cấp cơ sở	
6	Nguyễn Văn Vẹn, 1974	025484103 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2016	Quản trị kinh doanh	x			ĐH 13 năm (2009-2022) SĐH 6 năm (2016-2022)	Chủ nhiệm 1 đề tài cấp Bộ		
7	Cảnh Chí Hoàng, 1977	024854436 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2015	Kinh tế chính trị	x		0308139734	ĐH 10 năm (2012-2022) SĐH 7 năm (2015-2022)	Tham gia 1 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 1 đề tài cấp cơ sở	
8	Nguyễn Huy Hoàng, 1964	027064000065 Quốc tịch: Việt		Tiến sĩ, 2010	Lý thuyết xác suất	x		0198058351	ĐH 35 năm (1987-2022)		Chủ nhiệm 3 đề tài cấp	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		Nam			và thống kê toán học				SDH 12 năm (2010-2022)		cơ s	
9	Nguyễn Tuấn Duy, 1984	001084014733 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2017	Toán Giải tích	x		7910176296	ĐH 12 năm (2010-2022) SDH 5 năm (2017-2022)	Tham gia 1 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 1 và tham gia 1 đề tài cấp cơ	
10	Nguyễn Tú, 1972	052071000452 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2013	Luật học	x			ĐH 11 năm (2011-2022) SDH 9 năm (2013-2022)	Chủ nhiệm 2 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 2 đề tài cấp cơ sở	
11	Nguyễn Quyết, 1979	075079000075, Quốc tịch Việt Nam		Tiến sĩ, 2018	Quản trị kinh doanh	x		4790204083 154	ĐH 15 năm (2007-2022) SDH 4 năm (2018-2022)	Tham gia 2 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 3 và tham gia 1 đề tài cấp cơ	
12	Nguyễn Văn Tuyên, 1970	079070013943 Quốc tịch Việt Nam		Tiến sĩ, 2017	Kinh tế học	x		7916100118	ĐH 6 năm (2010-2022) SDH 5 năm (2017-2022)	Tham gia 3 đề tài cấp Bộ	Tham gia 1 đề tài cấp cơ	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
13	Nguyễn Thị Mỹ Linh, 1974	023721127	PGS, 2016	Tiến sĩ, 2013	Tài chính - Ngân hàng	x		0298087888	ĐH 18 năm (2005-2022) SĐH 10 năm (2012-2022)	Tham gia 6 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 2 đề tài cấp cơ sở	
14	Nguyễn Hồng Hải, 1978	011932919		Tiến sĩ, 2015	Quản lý kinh tế	x		0104062460	ĐH 15 năm (2007-2022) SĐH 10 năm (2012-2022)	Tham gia 6 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 6 đề tài cấp cơ sở	
15	Phạm Lê Quang, 1960			Tiến sĩ, 2010	Triết học	x			ĐH 40 năm (1982-2022) SĐH 3 năm (2002-2022)	Tham gia 1 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 3 đề tài cấp cơ sở	
16	Lại Văn Nam, 1973	025808919 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2020	Triết học	x			ĐH 16 năm (2006-2022) SĐH 3 năm (2002-2022)	Tham gia 1 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 3 đề tài cấp cơ sở	
17	Ngô Thái Hưng, 1983	056083000197 Quốc tịch: Việt		Tiến sĩ, 2020	Kinh doanh và	x		7908455194	ĐH 14 năm (2008-2022)		Chủ nhiệm 2 đề tài cấp	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		Nam			quản lý				SDH 2 năm (2002-2022)		cơ sở	

Bảng 4.3: Danh sách giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng tham gia các học phần trong chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Đình Thái, 1983	025972055 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2020	Quản lý công				ĐH 13 năm (2009-2022) SDH 2 năm (2019-2022)	Tham gia 1 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 1 đề tài cấp cơ sở	
2	Lê Thị Loan, 1979	079179004836 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2020	Kinh tế				ĐH 10 năm (2009-2022) SDH 2 năm (2020-2022)	Tham gia 1 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 1 đề tài cấp cơ sở	
3	Phan Ngọc Trung, 1957	052057000217 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2003	Kinh tế				ĐH 27 năm (1995-2022) SDH 20 năm (2003-2022)	Chủ nhiệm 2 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 4 đề tài cấp cơ sở	
4	Nguyễn Văn Dư, 1973			Tiến sĩ, 2015	Kinh tế phát triển				ĐH 20 năm (2002-2022)	Chủ nhiệm 2 đề tài cấp	Chủ nhiệm 5 đề tài cấp cơ	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
									SDH 8 năm (2015-2022)	Bộ	sở	
5	Vòng Thìn Nam, 1979	045070000135 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2016	Kinh tế phát triển			4798108042	ĐH 15 năm (2007-2022) SDH 7 năm (2016-2022)		Chủ nhiệm 10 đề tài cấp cơ sở	
6	Võ Hữu Phước	084074000008 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2014	Kinh tế phát triển				ĐH 20 năm (2003-2022) SDH 9 năm (2014-2022)	Chủ nhiệm 4 đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm 7 đề tài cấp cơ sở	
7	Lê Thị Tuyết Thanh	025805934 Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ, 2019	Kinh tế			7908441704	ĐH 5 năm (2017-2022) SDH 3 năm (2019-2022)		Chủ nhiệm 4 đề tài cấp cơ sở	
8	Trần Thị Huyền Thanh, 1977	022879666, Quốc tịch: Việt Nam		Tiến sĩ 2020	Kinh tế			0200044469	ĐH 5 năm (2017-2022) SDH 2 năm	Tham gia 1 đề tài cấp	Chủ nhiệm 2 đề tài cấp cơ sở	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
									(2020-2022)	Bộ		

Bảng 4.4: Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án		
							Bắt buộc		Tự chọn				
							Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến			
(1)	(2)					(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
Giảng viên cơ hữu													
1	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư	PGS, 2012	Tiến sĩ, 2000	Kinh tế	Kinh tế học quản lý	27		2TC	1TC				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
2	Đoàn Ngọc Phúc		Tiến sĩ, 2015	Kinh tế	Kinh tế khu vực công	20				2TC	1TC		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
3	Ao Thu Hoài		Tiến sĩ, 2012	Kinh tế học	Quản lý sự thay đổi	22				2TC	1TC		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
4	Trần Văn Hưng		Tiến sĩ, 2019	Quản lý kinh tế	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công	10				2TC	1TC		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
5	Huỳnh Thế Nguyễn		Tiến sĩ, 2018	Kinh tế học	Kinh tế phát triển nâng cao	16				2TC	1TC		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
6	Nguyễn Văn Vẹn		Tiến sĩ, 2016	Quản trị kinh doanh	Đàm phán và quản lý xung đột trong khu vực công	15				2TC	1TC		
7	Cánh Chí Hoàng		Tiến sĩ, 2015	Kinh tế chính trị	Thị trường lao động và phát triển nguồn	15				2TC	1TC		

Số TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án	
							Bắt buộc		Tự chọn			
							Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến		
(1)	(2)				(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
					nhân lực							
8	Nguyễn Huy Hoàng		Tiến sĩ, 2010	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	35	2TC	1TC				
9	Nguyễn Tuấn Duy		Tiến sĩ, 2017	Toán Giải tích	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	12	2TC	1TC				
10	Nguyễn Tú		Tiến sĩ, 2013	Luật học	Pháp luật về quản lý kinh tế	12	2TC	1TC				
11	Nguyễn Quyết		Tiến sĩ, 2018	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý	15			1TC	1TC		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
12	Nguyễn Văn Tuyên		Tiến sĩ, 2014	Kinh tế học	Kinh tế đầu tư nâng cao	8	2TC	1TC				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
13	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS, 2016	Tiến sĩ, 2013	Tài chính - Ngân hàng	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế	23			2TC	1TC		
14	Nguyễn Hồng Hải		Tiến sĩ, 2015	Quản lý kinh tế	Đàm phán và quản lý xung đột trong khu vực công	15			2TC	1TC		

Số TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án		
							Bắt buộc		Tự chọn				
							Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến			
(1)	(2)					(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
15	Phạm Lê Quang		Tiến sĩ, 2010	Triết học	Triết học	37	3TC	1TC					
16	Lại Văn Nam		Tiến sĩ, 2020	Triết học	Triết học	30	3TC	1TC					
17	Ngô Thái Hưng		Tiến sĩ, 2020	Kinh doanh và quản lý	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	12	2TC	1TC					

5. Đảm bảo về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Có đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng và tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn theo quy định tại Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT. Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn đề án, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của cơ sở đào tạo. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện luận văn của chương trình định hướng nghiên cứu); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên.

Bảng 5.1: Danh sách Giảng viên hướng dẫn và chấm luận văn cao học ngành Quản lý kinh tế:

STT	Người hướng dẫn khoa học		Đơn vị công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng dẫn	Hội đồng
1.	PGS.TS. Nguyễn Minh	Ngọc	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý đất đai, tài nguyên	X	X
2.	PGS.TS. Trần N. Ngọc Anh	Thư	ĐH Tài chính - Marketing	Kinh tế, thương mại, đầu tư	X	X
3.	TS. Ao Thu	Hoài	ĐH Tài chính - Marketing	QT chất lượng-dịch vụ, bán hàng	X	X
4.	TS. Cảnh Chí	Hoàng	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý, phát triển NNL	X	X
5.	TS. Đoàn Liêng	Diễm	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý, phát triển du lịch	X	X
6.	TS. Đoàn Ngọc	Phúc	ĐH Tài chính - Marketing	Kinh tế, thương mại, đầu tư	X	X
7.	TS. Huỳnh Thế	Nguyễn	ĐH Tài chính - Marketing	Phát triển kinh tế vùng và địa phương	X	X
8.	TS. Huỳnh Thị Thu	Sương	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý & phát triển nguồn nhân lực	X	X
9.	TS. Lê Quang	Huy	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý thương mại và đầu tư	X	X
10.	TS. Nguyễn Văn	Hiên	ĐH Tài chính - Marketing	Marketing địa phương	X	X
11.	TS. Lê Trung	Đạo	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý tổ chức công	X	X
12.	TS. Nguyễn	Quyết	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý doanh nghiệp	X	X
13.	TS. Nguyễn Văn	Thuận	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý tài chính - ngân sách	X	X
14.	TS. Nguyễn Văn	Tuyên	ĐH Tài chính - Marketing	Kinh tế, thương mại, đầu tư	X	X
15.	TS. Phạm Ngọc	Dưỡng	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý thương mại, đầu tư	X	X
16.	TS. Phạm Quốc	Việt	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý tài chính - ngân sách	X	X
17.	TS. Nguyễn Thanh	Long	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý thay đổi, thích nghi	X	X
18.	PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ	Linh	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý tài chính - Ngân sách	X	X

STT	Người hướng dẫn khoa học		Đơn vị công tác	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng dẫn	Hội đồng
19.	PGS. TS. Hồ Thủy	Tiên	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý tài chính - Ngân sách	X	X
20.	TS. Nguyễn Văn	Vẹn	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý, đổi mới, sáng tạo	X	X
21.	TS. Nguyễn Xuân	Hiệp	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý thương mại và đầu tư	X	X
22.	TS. Ngô Thái	Hung	ĐH Tài chính - Marketing	Quản lý tài chính	X	X
23.	TS. Trần Văn	Hung	ĐH Tài chính - Marketing	Quản trị chiến lược tổ chức công	X	X
24.	TS. Trần Thanh	Long	ĐH Kinh tế - Luật	Quản lý dự án đầu tư	X	X
25.	PGS.TS. Đỗ Phú Trần	Tình	ĐH Kinh tế - Luật	Quản lý dự án đầu tư	X	X
26.	TS. Nguyễn Hồng	Nga	ĐH Kinh tế - Luật	Kinh tế đầu tư		
27.	TS. Nguyễn Văn	Dư	Đại học UEH	Chuyển đổi số, phát triển kinh tế vùng, địa phương	X	X
28.	TS. Nguyễn Chí	Hải	ĐH Kinh tế - Luật	Phát triển kinh tế ngành, vùng, địa phương	X	X
29.	TS. Trần Thị Huyền	Thanh	Hội Liên hiệp phụ nữ	Quản lý và phát triển NNL	X	X
30.	TS. Lê Thị	Loan	Sở Xây dựng Tp.HCM	Quản lý và phát triển NNL	X	X
31.	TS. Lê Thị Tuyết	Thanh	ĐH SPKT Tp.HCM	Quản lý và phát triển NNL	X	X
32.	TS. Vòng Thìn	Nam	ĐH SPKT Tp.HCM	Quản lý và phát triển NNL	X	X
33.	TS. Trần Đăng	Thịnh	ĐH SPKT Tp.HCM	Kinh tế, đầu tư	X	X
34.	TS. Võ Hữu	Phước	Học viện CTQG	Kinh tế, đầu tư	X	X
35.	TS. Mai Chiêm	Hiếu	Học viện CTQG	Kinh tế, đầu tư	X	X
36.	PGS. TS. Nguyễn Tấn	Vinh	Học viện CTQG	Kinh tế, đầu tư	X	X

Bảng 5.2: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Đoàn Ngọc Phúc, 1975, Trưởng khoa	Tiến sĩ, 2015	Kinh tế	
2	Nguyễn Huy Hoàng, 1964, Trưởng Bộ môn	Tiến sĩ, 2010	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	

6. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

6.1. Hệ thống phòng học, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu

Trường đã từng bước hoàn thiện về cơ sở vật chất, có kế hoạch đầu tư cụ thể nhằm tăng diện tích phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, phục vụ HV, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành. Với nguồn lực hiện có, Trường luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành, v.v.... phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác.

Bảng 6.1. Số liệu cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	6	3411	Các môn lý thuyết	HK 1 – HK3	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	84	9543	Các môn lý thuyết	HK 1 – HK3	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	198	14421	Các môn lý thuyết	HK 1 – HK3	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	16	697	Các môn	HK 1 – HK3	

				lý thuyết		
1.5	Số phòng học đa phương tiện					
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	10	250			
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	2817			
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	32	2650			Phòng thực hành máy tính

(Nguồn: Phòng QTTB)

Hiện nay, Trường và các khoa chuyên môn đảm nhận giảng dạy CTĐT ngành QTKD và TC-NH trình độ thạc sĩ (Khoa QTKD, Khoa TC-NH, Khoa Thuế - Hải quan, Khoa Thương mại, Khoa Marketing, Khoa Kinh tế - Luật) có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành. Các lớp của chương trình được bố trí, sắp xếp lịch giảng dạy và học tập tại cơ sở 778 Nguyễn Kiệm, P.4, Phú Nhuận, TP.HCM với các phòng học có sức chứa từ 35m² đến 640m².

6.2. Hợp tác đào tạo thực hành, thực tập đối với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Trường phù hợp kế hoạch giảng dạy, học tập nghiên cứu khoa học toàn khóa:

Tùy vào kế hoạch giảng dạy từng Khóa học, Nhà trường sẽ triển khai hoạt động thực hành, thực tập cần thiết phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học và kế hoạch giảng dạy của Khóa học. Nhà Trường sẽ triển khai công tác giới thiệu cho người học các chương trình hoạt động của các doanh nghiệp như chương trình thực tập viên tiềm năng, quản trị viên tiềm năng thông qua website của các đơn vị, fanpage, cổng thông tin việc làm của Nhà trường. Công tác giới thiệu đơn vị thực hành, thực tập (nếu người học có nhu cầu) cũng được Nhà trường quan tâm, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ từ Trung tâm đến các Khoa chuyên môn cập nhật thường xuyên thông qua các kênh thông tin truyền thông của Nhà trường. Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông tư 23/2021/Bộ GD-ĐT ban hành ngày 30/08/2021. Các hoạt động nghiên cứu khoa học giữa học viên và giảng viên hướng dẫn được triển khai theo

mục đích, nội dung và chuyên môn, nghiệp vụ của người học. Học viên tham gia nghiên cứu khoa học và có sản phẩm được công bố trên các tạp chí uy tín liên quan đến đề tài tốt nghiệp được xem xét cộng điểm vào báo cáo tốt nghiệp, theo quyết định của hội đồng đánh giá đề tài tốt nghiệp nếu đạt yêu cầu.

6.3. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

6.3.1. Thư viện truyền thống

Nhằm phục vụ công tác giảng dạy và đào tạo bậc sau đại học, Thư viện Trường cung cấp các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; các giáo trình, tài liệu học tập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; các luận văn thạc sĩ đã bảo vệ của các khóa trước để đáp ứng nhu cầu tham khảo của HV.

Bảng 6.2: Danh mục tạp chí phục vụ chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế

STT	TÊN TẠP CHÍ	TÁC GIẢ	MÃ ISSN	GHI CHÚ
A	Tạp chí dạng in ấn			
1	Cộng sản	Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	2734-9063	
2	Kinh tế và Dự báo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1859-4972	
3	Kinh tế & Phát triển	Đại học Kinh tế Quốc dân	1829-0012	
4	Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới	Viện Kinh tế Chính trị thế giới	0868- 2984	
5	Nghiên cứu Kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam	0866-7489	
6	Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2615-9104	
7	Thời báo kinh tế Sài Gòn	Sở Công Thương TP. Hồ Chí Minh	0868-3344	
8	Triết học	Viện Triết học	0866-7632	
9	Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương	Trung tâm kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương	0868-3808	
10	Tạp chí nghiên cứu Tài chính - Marketing	Đại học Tài chính - Marketing	1859-3690	
11	Tạp chí Kinh tế & Quản lý	Học viện chính trị Quốc gia HCM	1859-4565	
12	Tạp chí Quản lý & Kinh tế quốc tế	Trường ĐH Ngoại thương	2615-9848	
B	Tạp chí điện tử			
1	CSDL Sage			

2	CSDL Emerald			
---	--------------	--	--	--

6.3.2. Thư viện điện tử

Nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin khoa học của giảng viên và HV sau đại học, trong năm 2017, Thư viện đã đăng ký gói sử dụng và khai thác dịch vụ từ cổng truy cập nguồn tin điện tử của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia để giúp bạn đọc truy cập mọi cơ sở dữ liệu khoa học trong nước và quốc tế, bao gồm ScienceDirect. Triển khai chương trình kích hoạt truy cập và hỗ trợ truy cập từ xa giúp người học vào có thể truy cập vào 02 CSDL tạp chí điện tử là Sage và Emerald; 03 CSDL sách điện tử là IG Publishing, Springer và Elsevier; bộ CSDL Kinh tế - Tài chính - Vĩ mô thuộc Dự án Thư viện Điện tử dùng chung.

Bảng 6.3: Danh mục sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng (bản)	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Giáo trình triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn),	ĐH Quốc gia Hà Nội	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật.	2018	10	Triết học			
	Triết học (Chương trình sau đại học).	Trường ĐH Tài chính-Marketing	Nhà xuất bản ĐH Quốc gia Tp.HCM.	2015	5				
2	Nghiên cứu Marketing thực hành	Nguyễn Văn Hiến	Nhà xuất bản Tài chính.	2016	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế			
	Thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân,	2014					
	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Kiến thức cơ bản.	Trần Tiến Khai	Nhà xuất bản Lao động xã hội.	2012	11				
	Qualitative Research Methods: Collecting Evidence, Crafting Analysis, Communicating Impact.	Sarah J. Tracy	Wiley-Blackwell.	2019					
3	Lãnh đạo các khu vực công.	Phan Huy Đường.	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	2016		Lãnh đạo công và quản lý			
	Lãnh đạo đích thực.	Bill George.	Nhà xuất bản Tổng hợp Tp. HCM	2019	5				
	Quản lý công.	Phan Huy Đường	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	2016	5				
4	Kinh tế học (tập 1)	Paul A. Samuelson & Nordhaus	Nhà xuất bản Tài chính.	2018		Kinh tế học vi mô nâng cao			

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng (bản)	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	Advanced Microeconomic theory (3th edition)	Geoffrey A. Jehle Philip J. Reny	Prentice Hall	2020	5				Thư viện có tài liệu xuất bản năm 2011
5	Kinh tế học vĩ mô	N. Gregory Mankiw (Bản dịch của trường ĐH Kinh tế TP.HCM)	Nhà xuất bản Hồng Đức.	2019	5	Kinh tế học vĩ mô nâng cao			Thư viện có tài liệu xuất bản năm 2014
	Kinh tế học (tập 2)	Paul A. Samuelson & Nordhaus	Nhà xuất bản Tài chính.	2018					
	Advanced Macroeconomics, 5 th ed	David Romer	McGraw Hill Publishers.	2019					
6	Luật doanh nghiệp	QH14	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật	2020		Pháp luật quản lý kinh tế			
	Luật đất đai	QH13	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật	2013	6				Thư viện có tài liệu xuất bản năm 2020
	Luật đầu tư công	QH 14	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật	2019	10				Thư viện có tài liệu xuất bản năm 2018
	Luật quản lý tài sản công	QH14	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật	2017					
7	Kinh tế công cộng.	Vũ Cương & Phạm Văn Vận.	Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân	2013		Kinh tế học khu vực công			
	Giáo trình Kinh tế công cộng. .	Bùi Đại Dũng, Ngô Văn Nam.	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	2018					
	Kinh tế học khu vực công	Joseph E. Stiglitz & Jay K. Rosengard	Norton & Co	2015					
8	Quản lý nhà nước về kinh tế	Phan Huy Đường, Phan Anh	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	2020		Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao			

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng (bản)	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
9	Quản trị dự án - Những nguyên tắc căn bản.	Joseph Heagney (Người dịch Minh Tú)	Nxb Công Thương	2018	10	Quản lý chương trình và dự án công			
	Managing Public Sector Projects: A Strategic Framework for Success in an Era of Downsized Government	David S. Kassel	Second Edition (ASPA Series in Public Administration and Public Policy) 2nd Edition	2017					
	Giáo trình Quản lý dự án	Từ Quang Phương	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội	2014	5				Thư viện có tài liệu xuất bản năm 2010
	Quản lý dự án đầu tư công	Lê Như Thanh và Lê Văn Hòa	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.	2017	3				Thư viện có tài liệu xuất bản năm 2018
10	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	Phạm Văn Dũng, Hoàng Triều Hoa và Nguyễn Thị Thu Hoài	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	2018		Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế			
	Phân tích và đánh giá chính sách	Nguyễn Văn Phúc	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.	2016					
	Political economy and policy analysis	Antonio Merlo	Published by Routledge, London.	2019					
	The Economic Analysis of Puplic Policy	William K. Bellinger	Second edition published by Routledge, London.	2016					
11	Giáo trình Quản lý phát triển địa phương	Đàm Văn Nhuệ, Nguyễn Xuân Thu và Nguyễn Cúc	Nhà xuất bản Chính trị Quốc Gia. Hà Nội	2015		Quản lý phát triển kinh tế vùng và địa phương			

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng (bản)	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
12	Economics of development: Theory and evidence.	Thirlwall, A. P., & Pacheco-López, P.	Palgrave.	2017		Kinh tế phát triển nâng cao			
	Kinh tế phát triển căn bản và nâng cao	Đình Phi Hồ & cộng sự	Nhà xuất bản Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.	2015	10				
13	Giáo trình Quản lý dự án đầu tư	Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng	Nhà xuất bản. Đại học Kinh tế Quốc dân.	2018		Kinh tế đầu tư nâng cao			
14	Data science for business and decision making	Fávero, L. P., & Belfiore, P.	Academic Press.	2019		Mô hình ra quyết định quản lý			
	Mathematical modeling for business analytics	Fox, W. P.	CRC Press	2017					
	Handbook of anticipation: Theoretical and applied aspects of the use of future in decision making	Poli, R.	New York: Springer	2019					
	Decision Modeling.	Saxena, R., & Srinivasan, A.	Springer New York	2012					
15	Noncooperative Game Theory	Hespanha, J. P.	Princeton University Press	2017		Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý			
	Game theory and its applications.	Matsumoto, A., & Szidarovszky, F.	Tokyo: Springer Japan.	2016					
	Lessons in play: an introduction to combinatorial game theory	Albert, M. H., Nowakowski, R. J., & Wolfe, D.	CRC Press.	2019					
	Game theory: A Multi-leveled approach	Peters, H	Springer.	2015					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng (bản)	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
16	International Financial Management (Seventh Edition)	Bruce G. Resnick	Pearson	2018		Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế			
17	Mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: thực trạng, vấn đề và định hướng chính sách	Vũ Văn Hà, Đoàn Minh Huân	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật	2020		Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế			
18	Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực,	Trần Xuân Cầu	Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.	2019	10	Thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực			
	Labor economics, 8 th ed.,	George J. Borjas	The McGraw-Hill/Irwin.	2016					
	Employee Training and Development, 8 th ed.,	Raymond A. Noe	Publisher: McGraw-Hill/Irwin.	2019,					
	Labor Markets: Analysis, Regulations and Outcomes	Jonathan Murray (editor)	Publisher: Nova.	2016					
19	Quản lý tài chính công.	Hoàng Thị Thúy Nguyệt, Đào Thị Bích Hạnh	Nhà xuất bản Tài chính	2016	10	Quản lý tài chính công			
	Luật Ngân sách Nhà nước	QH13	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật	2015					
20	Strategic management for public and nonprofit organizations. .	Steiss, A. W.	Routledge	2019		Quản trị chiến lược trong các tổ chức công			
	Strategic management: Concepts and cases: A Competitive	Fred. R. David	Pearson.	2015	5				

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng (bản)	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	advantage approach.								
21	Globalization for development: Meeting new challenges.	Goldin, I., & Reinert, K.	OUP Oxford.	2012		Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa			
22	The Mind and Heart of the Negotiator. 7th edition	Leigh L. Thompson.	Global edition. Pearson Education Limited.	2021	8	Đàm phán và quản lý xung đột			Thư viện có tài liệu xuất bản năm 2015
	Essential of Negotiation. 6 th edition	Roy J Lewicki, Bruce Barry, David M Saunders	McGraw-Hill Education	2016					
	Conflict Management: A Practical Guide to Developing Negotiation Strategies	Pearson-Prentice Hall Edition: 2019. ISBN: 0131193236.	Pearson-Prentice Hall Edition	2019					
23	Managing Organizational Change: A Multiple Perspectives Approach	Palmer, I., Dunford, R., & Buchanan, D. A	USA: McGraw-Hill Education	2017		Quản lý sự thay đổi			
	Quản lý sự thay đổi	Ao Thu Hoài	Trường ĐH Tài chính Marketing	2021					

Bảng 6.4: Thống kê nguồn tài nguyên thông tin thư viện (đến tháng 04/2022)

STT	Loại tài liệu	Số lượng		Ghi chú
		Số tựa	Số bản	
I	Tài liệu dạng in			
1	Sách	15.293	50.528	
2	Chuyên đề tốt nghiệp	1.500	1.500	
3	Luận văn Thạc sĩ	2.417	2.417	
4	Nghiên cứu khoa học	423	423	
5	Báo - tạp chí	11 tựa báo, 31 tựa tạp chí		
II	Tài liệu số			
1	Sách	192		
2	Bài giảng (lưu hành nội bộ)	139		
3	Luận văn Thạc sĩ	2.207		
4	Chuyên đề tốt nghiệp	99		
5	Bài trích Báo - tạp chí	461		
6	Nghiên cứu khoa học	15		
7	Cơ sở dữ liệu			
7.1	Sage			Tạp chí
7.2	Emerald			Tạp chí
7.3	Elsevier			Sách
7.4	Springer			Sách
7.5	IG Publishing			Sách
7.6	Kinh tế - tài chính - Vĩ mô			
7.7	Gói dữ liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nasati), bao gồm: STD-Tài liệu KH&CN Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, ScienceDirect, Scopus, ProQuest Central, IEEE Xplore Digital Library, SpringerNature ...;			
7.8	Các CSDL truy cập mở			

6.5. Trang thông tin điện tử của Trường đăng tải thông tin công khai theo quy định: ufm.edu.vn

6.6. Các điều kiện tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến, đảm bảo chất lượng theo quy định

Trường có thể tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp. Nhà trường tổ chức giảng dạy trực tuyến trên phần mềm đã mua bản quyền là Microsoft Team.

6.7. Nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế

6.7.1. Nghiên cứu khoa học

Nhà Trường rất quan tâm chú trọng hoạt động nghiên cứu khoa học gắn liền với hoạt động dạy và học nhằm đảm bảo chất lượng trong công tác đào tạo của Trường. Trường đã ban hành các quy định, quy chế liên quan đến Quy chế quản lý thực hiện đề tài, đề án khoa học của Trường Đại học Tài chính - Marketing; Quy định về khuyến khích hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh tại Trường Đại học Tài chính - Marketing; Quy định biên soạn, lựa chọn, thẩm định, xuất bản, phát hành và sử dụng giáo trình, tài liệu học tập của Trường Đại học Tài chính - Marketing; Quy định tổ chức Tọa đàm, Hội nghị, Hội thảo khoa học các cấp tại trường Đại học Tài chính - Marketing. Số lượng đề tài, đề án được giao thực hiện và số lượng đề tài, đề án được nghiệm thu tăng lên đáng kể; đặc biệt số lượng đề tài, đề án được nghiệm thu, thanh lý đúng hạn đã tăng lên. Năm 2021 có sự đột phá về số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được nghiệm thu, thanh lý. Số lượng đề tài và bài báo khoa học có liên quan lĩnh vực quản lý kinh tế như sau:

Bảng 6.5: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Quản lý kinh tế thực hiện trong 5 năm gần nhất

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1		Cấp cơ sở	Kiểm định tác động ngưỡng trong mối quan hệ giữa phát triển tài chính và tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển	Lê Thị Thúy Hằng		01/02/2018	Khá		
2		Cấp cơ sở	Các yếu tố tác động đến kết quả xuất khẩu của các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả Việt Nam	Nguyễn Việt Bằng		07/01/2018	Khá		
3		Cấp Tỉnh	Nghiên cứu đề xuất mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Trà Vinh theo hướng cạnh tranh giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư		31/05/2018	Đạt		
4		Cấp Bộ	Chính sách tài chính thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ đối với ngành dệt may Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư		30/01/2018	Đạt		
5		Cấp Nhà nước	Chính sách tài chính và cơ chế truyền dẫn đối với thị trường bất động sản Việt Nam	Phạm Hữu Hồng Thái		10/07/1905	Đạt		
6		Cấp Bộ	Đo lường mức độ an ninh tài chính của Việt Nam trong hội nhập quốc tế	Hoàng Đức Long & Hồ		10/07/1905	Đạt		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
				Thủy Tiên					
7		Cấp cơ sở	Sử dụng mô hình thời gian đa chuỗi, phân tích mối quan hệ giữa chi ngân sách nhà nước và một số chỉ tiêu kinh tế xã hội địa phương	Nguyễn Huy Hoàng & Nguyễn Văn Phong		19/12/2019	Giỏi		
8		Cấp cơ sở	Mối quan hệ giữa tỷ giá USD/VND và các yếu tố kinh tế vĩ mô Việt Nam	Lê Thị Thúy Hằng		28/08/2019	Đạt		
9		Cấp cơ sở	Mối quan hệ phát triển bảo hiểm và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam	Hồ Thủy Tiên		10/08/2019	Giỏi		
10		Cấp Tỉnh	Chiến lược marketing địa phương nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư và phát triển du lịch tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2025	Nguyễn Văn Hiến		30/06/2020	Đạt		
11		Cấp Tỉnh	Đánh giá thực trạng trợ giúp xã hội trong giai đoạn 2010-2017 và đề xuất giải pháp phát triển trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025	Lê Trung Đạo		Thg11-20	Đạt		

**Bảng 6.6: Danh sách các công trình công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ
hữu thuộc ngành Quản lý kinh tế**

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (2017), 'Xây dựng mô hình đánh giá tín nhiệm', Tạp chí Khoa học và Đại học An Giang.	
2	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (2017), 'Ngưỡng lạm phát tối ưu của Việt Nam', Tạp chí Phát triển và Hội nhập.	
3	Đoàn Ngọc Phúc (2019), 'Adaptive perception and adaptation Respones to weather shocks: an Adatation Deficit', Argis Online Paper in Economics Informatics, Scopus (Q2), Voume XI	
4	Đoàn Ngọc Phúc (2018), 'Quản lý nợ công ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp tăng cường quản lý', Tạp chí Lý luận chính trị.	
5	Đoàn Ngọc Phúc (2018), 'Ảnh hưởng của cơ cấu sở hữu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cổ phần hóa niêm yết ở Việt Nam', Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới.	
6	Đoàn Ngọc Phúc (2017), 'Phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam: thành tựu, hạn chế và giải pháp phát triển', Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Marketing.	
7	Ao Thu Hoài (2019), 'Các nhân tố ảnh hưởng đến căng thẳng công việc của nhân viên tại Vietcombank Chi nhánh Đồng Tháp', Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Bộ Kế hoạch đầu tư, số 36 Tháng 12/2019.	
8	Ao Thu Hoài (2019), 'Tác động của các yếu tố Marketing địa phương đến thu hút đầu tư tại tỉnh Đắk Nông', Tạp chí Tài Chính Marketing Số 54 Tháng 12/2019	
9	Trần Văn Hưng (2020), 'Đình công tự phát tại các doanh nghiệp FDI: Nghiên cứu các doanh nghiệp FDI của Đài Loan và Hàn Quốc tại Việt Nam', Tạp chí: Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới, ISSN: 0868-2984, Số 1 (285), tháng 01/2020, Trang 63-75.	
10	Trần Văn Hưng (2020), 'Các yếu tố tác động đến lòng tin của người mua hàng trực tuyến trên các sàn thương mại điện tử ở Việt Nam', Tạp chí Nghiên cứu kinh tế - ISSN: 0866-7489, Số 1 (500), tháng 01/2020.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
11	Trần Văn Hưng (2019), 'Reasons Are Given for the Current Wildcat Strikes in Vietnam: The Blue-Collar Workers' Perspective ', International Journal of Financial Research, ISSN 1923-4023(Print), ISSN 1923-4031(Online), Vol. 10, No. 4; 2019, http://www.sciedupress.com/journal/index.php/ijfr/article/view/15899 (Scopus).	
12	Trần Văn Hưng (2018), 'Thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam: Thực trạng và giải pháp ', Tạp Chí Kinh Tế và Dự Báo: ISSN: 0866-7120, Số 22, tháng 8/2018, trang 20-23.	
13	Trần Văn Hưng (2018), 'Thực trạng phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa ', Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật Trường Đại Học kinh Tế Kỹ thuật Bình Dương: ISSN: 0866-7802, Số đặc biệt, trang 110-115.	
14	Huynh The Nguyen (2019), 'The Effect of Brand Equity Components on Automobile Purchase Intention of Consumers in Ho Chi Minh City, Vietnam', Journal of Asian Finance, Economics and Business (Print ISSN: 2288-4637 / Online ISSN 2288-4645).	
15	Huynh The Nguyen (2019), 'The impacts of capital structure on profitability of the listed companies exporting in Vietnam', Vietnam's Socio-Economic Development.	
16	Huỳnh Thế Nguyễn (2019), 'Các yếu tố ảnh hưởng đến gánh nặng bảo hiểm xã hội của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam', Tạp chí Khoa học (Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh).	
17	Huỳnh Thế Nguyễn (2019), 'Hoạt động đổi mới, cải tiến trong các doanh nghiệp công nghiệp điện tử Thành phố Hồ Chí Minh', Tạp chí Khoa học & Công nghệ (Chuyên san Kinh tế - Luật & Quản lý).	

6.7. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Về hợp tác quốc tế, Trường ký kết hợp tác với Trường Đại học Help-Malaysia đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ chuyên ngành QTKD; ngoài ra Trường còn có mối liên kết hợp tác với nhiều cơ sở giáo dục nước ngoài khác như Đại học UCSI (Malaysia), Trường Đại học Leeds Beckett (LBU), Công ty Công nghệ giáo dục Upgrad, Viện Lithan Singapore và công ty Study Guide. Trong tính hình dịch bệnh

kéo dài thời gian qua, Trường đã tổ chức làm việc trực tuyến với nhiều trường đại học nước ngoài và các tổ chức quốc tế xây dựng mối hợp tác liên kết trong trao đổi giảng viên, sinh viên, hợp tác trong đào tạo, trong nghiên cứu khoa học. Làm việc với Cơ quan giáo dục của các nước có Lãnh sự quán tại Thành phố Hồ Chí Minh. Làm việc với Đại học UCSI để triển khai các chương trình đã ký thỏa thuận hợp tác 2 bên và đẩy mạnh thỏa thuận về trao đổi giảng viên, sinh viên và chương trình nghiên cứu phối hợp để đăng bài trên các tạp chí quốc tế Emerald.

Bảng 6.8: Hội thảo/Hội nghị quốc tế đã tổ chức trong 5 năm qua

STT	Hội nghị/ Hội thảo/Tọa đàm	Nội dung	Thời gian, địa điểm	Tổ chức/Chuyên gia
1	Hội nghị	Kinh doanh và kinh tế quốc tế năm 2017 - ICBE2017	6-8/07/2017	Hội khoa học Hàn Quốc – KODISA
2	Hội thảo	Chủ đề “Enhancing capacity in publishing your research papers in international journal” (<i>Nâng cao năng lực cung bố bài báo quốc tế</i>)	27/09/2019	Trung tâm Nghiên cứu giáo dục đại học thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam Diễn giả: Giáo sư, tiến sĩ Sang-Chul Park, Hàn Quốc, là biên tập của tạp chí <i>Asia Pacific Journal of EU Studies</i>
3	Hội thảo	Sustainable economic development and business management in the context of globalisation (SEDBM) (<i>Phát triển kinh tế và Kinh doanh bền vững trong điều kiện toàn cầu hóa</i> (lần thứ 3)	25/09/2020	Chủ trì: Học viện tài chính, phối hợp với Trường Đại học Tài chính – Marketing Diễn giả: John Bruce Wells, Deloitte's Chief of Party for the US Agency for International Development (USAID) Vietnam Low Emission Energy Program (V-LEEP)
4	Hội thảo	Finance – Accounting for promoting Sustainable Development in Private Sector (<i>Tài chính - kế toán thực đẩy kinh tế</i>)	10/12/2020	Học viện tài chính, phối hợp với Trường Đại học Tài chính – Marketing Diễn giả: Professor Jacqueline Birt: Chủ tịch Hiệp hội Tài chính Kế toán Australia và New

		<i>tư nhân phát triển nhanh và bền vững</i> (FASPS-2)		Zealand, trường khoa Tài chính Kế toán Đại học Tōy Úc
5	Hội thảo	Business based on digital platform (BDP2021) (<i>Kinh doanh trên nền tảng công nghệ số</i>)	05/11/2021	Chủ trì Trường Đại học Tài chính – Marketing, phối hợp với Trường ĐH Tài chính – Quản trị kinh doanh, Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM Diễn giả: -Giáo sư Miguel Suarez – SKEMA Business School -Giáo sư Franck BARBIER – Université Polytechnique Hauts-de-France
6	Hội thảo	Finance – Accounting for promoting Sustainable Development in Private Sector (<i>Tài chính - kế toán thực đẩy kinh tế tư nhân phát triển nhanh và bền vững</i>) (FASPS-3)	12/11/2021	Chủ trì: Học viện tài chính, phối hợp với Trường Đại học Tài chính – Marketing, Trường ĐH Tài chính - Kế toán, Trường bồi dưỡng cán bộ Tài chính Diễn giả: -PGS. Simone Domenico Scagnelli, Phó trưởng khoa Kế toán và Tài chính, Trường Kinh doanh và Luật, Đại học Edith Cowan, Úc - PGS. Farhad Taghizadeh-Hesary, Đại học Tokai, Nhật Bản

(Nguồn: Phòng QLKH)

6.8. Phương án, giải pháp ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ

Trường có thể tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế, Trường cam kết thực hiện các biện pháp và chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi của người học, cụ thể như sau:

1. Chuyển người học sang học tập tại một số cơ sở đào tạo phía Nam có đào tạo ngành Quản lý kinh tế như Đại học Kinh tế TP.HCM, Đại học Giao thông vận tải, Đại học Ngoại Thương, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM, Đại học Nông Lâm Tp.HCM, Đại học Kinh tế -Luật.;

2. Hoàn trả học phí cho người học đã nộp đối với các học phần chưa triển khai đào tạo;

3. Cho phép người học được bảo lưu theo nguyện vọng cá nhân trong thời gian quy định của thời hạn đào tạo Khóa học cho đến khi Trường được phép đào tạo lại.

6.9. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 05 năm đầu

- Năm đầu tiên: 45 chỉ tiêu;
- Từ năm thứ hai trở đi: 60 chỉ tiêu (tùy tình hình tuyển sinh, căn cứ trên tổng chỉ tiêu chung của Trường).

6.10. Địa điểm đào tạo: tại cơ sở 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS. Phạm Tiến Đạt

Số: 1158/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Quản lý kinh tế – Mã ngành 8340410

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc mở ngành đào tạo mới trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 25 tháng 3 năm 2022;

Căn cứ Đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế Mã ngành 8340410;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học và Trưởng khoa Kinh tế - Luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế - Mã số 8340410, tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Điều 2. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của ngành trên nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Trường. Việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học, Trưởng khoa Kinh tế - Luật và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓ *P. V. L.*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, QLKH. ✓

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Tiến Đạt